

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 8 - 2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Ông Nguyễn Tiến Sửu.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Minh Triều - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Phùng Đức Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hương D, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn X, xã L, tỉnh Phú Thọ), “có mặt”.

2. Bị đơn: Anh Lăng Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn G, xã L, tỉnh Phú Thọ), “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2025 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương D trình bày: Chị và anh Lăng Văn T kết hôn với nhau ngày 11/4/2016, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và việc đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh T ở thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T nghiện ma túy, không đi làm ăn, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, chị và anh T đã ly thân

nhau từ tháng 7 năm 2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Lãng Tú A, sinh ngày 08/9/2016 và Lãng Tiến Đ, sinh ngày 11/6/2023 (hiện cả 02 cháu đều đang ở cùng chị). Ly hôn chị xin nuôi cả hai cháu Lãng Tú A, sinh ngày 08/9/2016 và Lãng Tiến Đ, sinh ngày 11/6/2023, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lãng Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp; các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T nhưng anh T đều không đến Tòa làm việc. Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị D đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn không chấp hành đầy đủ, vắng mặt tại phiên tòa.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Hương D được ly hôn với anh Lãng Văn T. Về con chung: Giao cho chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lãng Tú A, sinh ngày 08/9/2016 và Lãng Tiến Đ, sinh ngày 11/6/2023; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và phân chia nuôi con chung giữa chị và anh Lãng Văn T. Bị đơn anh T hiện có hộ khẩu và cư trú tại Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn G, xã L, tỉnh Phú Thọ). Căn cứ quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật tư pháp và người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh

Vĩnh Phúc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ) và quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[2] Về tố tụng: Đối với anh T quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hương D và anh Lãng Văn T đăng ký kết hôn ngày 11/4/2016, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, chị D, anh T được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị D và anh T thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị D và anh T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị D trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T nghiện ma túy, gia đình thường xuyên khuyên bảo và đưa anh T đi cai nghiện tại trung tâm cai nghiện nhiều lần nhưng anh T vẫn tái nghiện; anh T không đi làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, chị và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2023 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không chấp hành. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị D xin ly hôn anh T là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự và giấy khai sinh thì vợ chồng chị D, anh T có 02 con chung là Lãng Tú A, sinh ngày 08/9/2016 và Lãng Tiến Đ, sinh ngày 11/6/2023 (hiện cả hai cháu đang ở cùng chị D). Ly hôn chị D xin được nuôi cả hai cháu Lãng Tú A, sinh ngày 08/9/2016 và Lãng Tiến Đ, sinh ngày 11/6/2023 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án làm việc. Xét thấy chị D hiện có chỗ ở, công việc ổn định, thu nhập bình quân là 8.000.000 đồng/01 tháng do đó cần giao cháu A và cháu Đ cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

[5] Về chia tài sản: Do đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hương D được ly hôn anh Lãng Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lãng Tú A, sinh ngày 08/9/2016 và cháu Lãng Tiến Đ, sinh ngày 11/6/2023 (hiện cả hai cháu đều đang ở cùng chị D) cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hương D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0007682 ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành dân sự huyện L (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Phú Thọ). Xác nhận chị D đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 11 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Lập Thạch, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang